

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2018
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thị xã)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			Đơn vị: Triệu đồng	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		9
I	Các cơ quan, tổ chức	208.805	20.700	184.661	3.444	0	0	0	0	0	0
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã	161.217	20.700	140.517		0	0	0	0	0	0
2	Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã	15.880	15.880								
3	UBND phường Đoàn kết	650	650								
4	UBND phường Sông Bờ	400	400								
5	UBND phường Hòa Bình	200	200								
6	Trích nộp Quỹ phát triển đất của tỉnh	200	200								
7	Ngân sách cấp huyện (chi dự phòng ĐTPT)	1.950	1.950								
8	Trường Mầm non Hòa Mi	1.420	1.420								
9	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	1.523		1.523							
10	Trường Mầm non Tuổi Thơ	988		988							
11	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.669		1.669							
12	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1.129		1.129							
13	Trường Mầm non Hoa Hồng	1.162		1.162							
14	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1.485		1.485							
15	Trường Mầm non Hoa Sen	1.791		1.791							
16	Trường TH Kim Đồng	2.133		2.133							
17	Trường TH Lê Hồng Phong	1.866		1.866							
18	Trường TH Chu Văn An	2.310		2.310							
19	Trường TH-THCS Lê Văn Tám	3.900		3.900							
20	Trường TH Bùi Thị Xuân	4.283		4.283							
21	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	4.148		4.148							
22	Trường Tiểu học Nay Đer	5.244		5.244							
23	Trường TH Nguyễn Trãi	5.983		5.983							
24	Trường THCS Lê Lợi	3.269		3.269							
		1.960		1.960							



25	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	Trường THCS Phạm Hồng Thái	2.041		2.041						
27	Trường THCS Đình Tiên Hoàng	2.300		2.300						
28	Trường THCS Trần Hưng Đạo	2.373		2.373						
29	Trường THCS Nguyễn Huệ	4.151		4.151						
30	Trường THCS PT DT Nội trú	6.285		6.285						
31	Phòng Giáo dục - Đào tạo	4.967		4.967						
-	Khởi Mẫu giáo, Mầm non	7.190	0	7.190						
-	Khởi tiểu học	194		194						
-	Khởi Trung học cơ sở	257		257						
-	Xây dựng nhà vệ sinh chung phục vụ hội trường ngành và mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	1.377		1.377						
-	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy học cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	300		300						
-	Quản lý nhà nước	4.300		4.300						
32	Ban Quản lý ĐTXD TX	763		763						
-	Xây dựng nhà học bộ môn, phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, các công trình phụ khác Trường TH Lê Hồng Phòng Và Trường THCS Nguyễn Viết Xuân đạt tiêu chí XD nông thôn mới	6.623		6.623						
-	Công trình: Sân bê tông, tường rào, cổng điểm trường Mẫu giáo Sao Mai (Bón Ma Jương)	2.711		2.711						
-	Công trình Công viên bốn mùa (giai đoạn 1)	439		439						
-	Xây dựng Nhà vệ sinh Trường THCS Đình Thiêng Hoàng	2.400		2.400						
-	Làm đường vào bãi rác chung của thị xã	405		405						
33	Trung tâm Bồi dưỡng - chính trị	668		668						
34	Trung tâm GDNN-GDPTX	1.309		1.309						
35	Trường TC KTKT đông Gia Lai	1.509		1.509						
36	Hội chữ thập đỏ	180		180						
37	Trung tâm DS&KHH gia đình	292		292						
38	Bãi Truyền thanh - Truyền hình	1.218		1.218						
39	Công an	1.945		1.945						
-	Thường xuyên	485	0	485						
-	Công tác môi trường	440		440						
40	Thị đội	45		45						
41	Văn phòng Thị ủy	2.347		2.347						
42	Ủy ban Mặt trận TQVN	7.431		7.431						
43	Hội Phụ nữ	1.855		1.855						
44	Thị Đoàn	647		647						
45	Hội Nông dân	901		901						
46	Hội Cựu chiến binh	816		816						
47	Văn phòng HĐND-UBND	410		410						
48	Hội đồng nhân dân	4.296		4.296						
49	Phòng Tài chính-KH	1.057		1.057						
		1.033		1.033						

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
50	Phòng Văn hóa thông tin	2.770		2.770						
	-Quản lý nhà nước	481		481						
	- Nhà văn hóa	174		174						
	- Thông tin lưu động	1.692		1.692						
	-Thế dục TT	423		423						
51	Phòng Tài nguyên & MT	1.059		1.059						
	-Quản lý nhà nước	663		663						
	-SN Môi trường	396		396						
52	Phòng Kinh tế	2.305	0	2.305						
	-Quản lý nhà nước	908		908						
	- Khuyến công	87		87						
	- Kiên cố kênh N25-B4 Phường Hòa bình	900		900						
	- SN Khoa học công nghệ	410		410						
53	Thanh tra thị xã	716		716						
54	Phòng Lao động TB&XH	6.941		6.941						
	-Quản lý NN	744		744						
	- Chi TX	500		500						
	- KP thực hiện chính sách bảo trợ xã hội người cao tuổi, người khuyết tật	5.697		5.697						
55	Phòng Quản lý đô thị	2.196		2.196						
	-Quản lý NN	503		503						
	- Cẩm mốt qui hoạch điều chỉnh chung XD thị xã	712		712						
	-Trồng cây xanh vỉa hè	900		900						
	-Qui chế QLQH kiến trúc đô thị	81		81						
56	Phòng Nội vụ	2.574		2.574						
	-Quản lý nhà nước	2.354		2.354						
	-Văn thư lưu trữ	220		220						
57	Phòng Y tế	504		504						
	-Quản lý nhà nước	340		340						
	-Y tế thôn bản	164		164						
58	Phòng Tư pháp	490		490						
59	Phòng dân tộc	610		610						
	-Quản lý nhà nước	523		523						
	-Định canh, định cư	87		87						
	Ban đại diện người cao tuổi	63		63						
60	Câu lạc bộ VH nghệ thuật	63		63						
61	Hội nạn nhân CĐDC/Dioxin	63		63						
62	Hội bảo trợ TT&TMC	63		63						
63	Hội Cựu tù CT yêu nước	63		63						
64	Hội khuyến học	63		63						
65	Ban Liên lạc NN HĐKC	63		63						
66	Hội Cựu giáo chức	14		14						
67	Hội Đồng ý	24		24						



68	Hội Cựu TN xung phong	1	2	3	4	5	6	7	8	9
69	Trạm Khuyến nông	34		34						
70	Đội Công trình đô thị	605		605						
	- SN kiến thiết thị chính	10.136		10.136						
	- Chi thường xuyên	4.180		4.180						
	- SN môi trường	3.050		3.050						
71	BCĐ Thi hành án dân sự TX	2.906		2.906						
72	Hạt Kiểm Lâm	9		9						
73	Trạm Thú y	25		25						
74	Ngân hàng Chính sách XH TX	60		60						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	500		500						
III	NGUỒN CCTL TIỀN LƯƠNG CHUA PHÂN BỎ	3.444			3444					
IV	CHI BỎ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ	636		636						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	30.093		30.093						
		0								
VI	Ngân sách cấp huyện (chi cho các nhiệm vụ theo mục tiêu, nhiệm vụ cần thiết, đột xuất phát sinh	13.415		13.415						